

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 01 - 02 - 2024
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng

Bà Đỗ Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình: Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2024/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc *Tranh chấp về Hôn nhân gia đình*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thùy T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Lại Hợp Đ, sinh năm 1997.

Địa chỉ: thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

4. Người kháng cáo: Bị đơn – anh Lại Hợp Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn – chị Nguyễn Thùy T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tổ chức đám cưới khi chị T đã có thai với anh Đ được 03 tháng, sau đó chị T, anh Đ

đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình vào ngày 14/11/2018. Sau khi kết hôn, chị và anh Đ chung sống tại gia đình anh Đ ở xã Đ, tuy nhiên do gia đình anh Đ cho rằng việc chị kết hôn với anh Đ là không môn đăng hộ đối nên khi về chung sống, chị đã cố gắng hết sức để chung sống hòa đồng với gia đình chồng nhưng bố mẹ anh Đ vẫn giữ khoảng cách và không tôn trọng chị. Chị đã trao đổi với anh Đ để vợ chồng thuê nhà ra ở riêng nhưng anh Đ không nhất trí, chỉ nghe lời bố mẹ nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Hai bên gia đình đã động viên, hòa giải cho vợ chồng chị nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ tháng 4/2022, mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã về hẳn nhà mẹ đẻ, sống ly thân với anh Đ. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là Lại Khôi N, sinh ngày 21/02/2019. Khi bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, do chị đi làm ở công ty, để phát triển công việc chị phải đi học quản lý 06 tháng nên chị đã để con N lại cho anh Đ nuôi dưỡng. Hiện nay chị đã học xong, về làm quản lý tại Công ty TNHH A và được làm việc tại tỉnh Thái Bình. Do vậy, khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng. Thu nhập hiện nay của chị từ 8.000.000 đồng – 10.000.000 đồng/tháng, ngoài ra chị còn có sự hỗ trợ của bố mẹ, con còn quá nhỏ lại bị dị ứng với các loại sữa, nên chị đề nghị được nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn – anh Lại Hợp Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện và hoàn cảnh kết hôn đúng như chị T trình bày; tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp tính nết, ngoài ra anh còn nghi ngờ chị T không chung thủy do nhiều lần bắt gặp chị T nhắn tin và hẹn bạn khác giới đi chơi, anh đã góp ý nhiều lần, chị T cũng đã xin lỗi anh nhưng chị T vẫn không thay đổi. Từ tháng 6/2022, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị T đã bỏ về nhà ngoại sinh sống. Sau khi chị T bỏ đi, vợ chồng và gia đình hai bên đã nói chuyện, hòa giải để giúp vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay chị T xin ly hôn anh Đ, anh cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lại Khôi N, sinh ngày 21/02/2019. Cháu N từ nhỏ vẫn do anh và bố mẹ anh trực tiếp chăm sóc, chị T làm công ty nên phải đi làm, ít có điều kiện chăm con. Từ khi ly thân, con N vẫn ở với anh, anh vẫn chăm sóc con chu đáo do vậy anh không đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng. Ly hôn, anh đề nghị được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị T cấp

dưỡng nuôi con cùng anh. Hiện nay anh ở một cửa hàng buôn bán và sửa chữa đồ điện tử, điện lạnh ở gần nhà nên thuận tiện và có điều kiện chăm con, thu nhập trung bình của anh từ 10.000.000 đồng – 15.000.000 đồng/tháng, do làm tự do nên anh không có căn cứ chứng minh thu nhập, nhưng anh khẳng định anh làm tự do có nhiều thời gian chăm sóc con tốt hơn.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 35, Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thùy T được ly hôn anh Lại Hợp Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Lại Khôi N, sinh ngày 21/02/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 12/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Hai bên được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn được thực hiện theo các Điều 81, 82, 84 và 116 Luật Hôn nhân gia đình.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 08/12/2023, Bị đơn – anh Lại Hợp Đ kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Anh Đ không đồng ý phần quyết định của bản án sơ thẩm về quan hệ con chung, anh Đ đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về quan hệ con chung, giao cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng con Lại Khôi N.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị đơn - anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Cháu N từ nhỏ vẫn do anh và bố mẹ đẻ anh trực tiếp chăm sóc, chị T làm công ty nên phải đi làm ít có điều kiện chăm con. Hiện nay anh mở cửa hàng buôn bán và sửa chữa đồ điện tử, điện lạnh ở gần nhà, công việc tự do nên thuận tiện và có điều kiện, thời gian chăm con, thu nhập của anh từ 10.000.000 đồng – 15.000.000 đồng/tháng.

Trường hợp anh được Tòa án giao trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Nguyên đơn – chị T trình bày: Hiện nay chị đang làm quản lý của Công ty TNHH A nhưng được làm việc tại tỉnh Thái Bình, thu nhập của chị hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng – 10.000.000 đồng/tháng, cháu N còn nhỏ và lại bị dị ứng sữa, nên cần sự chăm sóc của mẹ. Đề nghị HĐXX giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu tại phiên tòa:
Quá trình thực hiện tố tụng của Hội đồng xét xử, các đương sự đảm bảo đúng pháp luật; đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 50/2023/HNGĐ-ST ngày 24/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của Bị đơn – anh Lại Hợp Đ gửi đến Tòa án trong thời hạn luật định, anh Đ đã thực hiện nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, vì vậy kháng cáo của anh Đ là hợp lệ, được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của anh Lại Hợp Đ:

Chị T và anh Đ có 01 con chung là cháu Lại Khôi N sinh ngày 21/02/2019 tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm cháu mới được 05 tuổi, cháu N lại còn bị dị ứng sữa, rất cần sự ấp ủ, chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ. Chị T có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bố mẹ đẻ chị T có thể hỗ trợ chị T trong việc chăm sóc con nên Tòa án cấp sơ thẩm xử giao con chung là cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, kháng cáo của anh Đ về yêu cầu được trực tiếp nuôi con không được chấp nhận.

[3]. Từ những phân tích, đánh giá trên đây, Hội đồng xét xử thấy:

Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh Lại Hợp Đ, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 50/2023/HNGĐ-ST ngày 24/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình về quan hệ con chung.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Lại Hợp Đ, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 50/2023/HNGĐ-ST ngày 24/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình về quan hệ con chung.

Giao con chung Lại Khôi N, sinh ngày 21/02/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn được thực hiện theo các Điều 81, 82, 84 và 116 Luật Hôn nhân gia đình.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm anh Đ đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003071 ngày 08/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 01/02/2024.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TA, THA huyện Đông Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu HC-TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hoàn